THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1204 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Sê San thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Sê San thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tài nguyên nước được quản lý tổng hợp theo lưu vực sông, thống nhất về số lượng, chất lượng, giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa thượng lưu và hạ lưu, giữa các địa phương trong cùng lưu vực; bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương mà Việt Nam đã tham gia.

2. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông được xây dựng trên cơ sở gắn kết hiện trạng, định hướng sử dụng tài nguyên nước với tài nguyên đất, cơ cấu sử dụng đất và các tài nguyên thiên nhiên khác để xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng nước trên lưu vực; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch của các ngành có khai thác, sử dụng nước.

3. Điều hòa, phân bổ nguồn nước linh hoạt, tôn trọng quy luật tự nhiên, khả năng của nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, nâng cao giá trị của nước, bảo đảm an ninh tài nguyên nước và thích ứng với biến đổi khí hậu.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

4. Bảo vệ tài nguyên nước trên cơ sở bảo vệ chức năng nguồn nước đáp ứng chất lượng nước cho các mục đích sử dụng, bảo vệ nguồn sinh thủy, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực.

5. Phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra với phương châm chủ động phòng ngừa là chính để giảm thiểu tối đa tổn thất, ổn định an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trên lưu vực sông Sê San.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm an ninh tài nguyên nước trên lưu vực sông, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước một cách phù hợp, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và tác hại do nước gây ra, đáp ứng yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm hài hòa lợi ích cho các địa phương, các đối tượng khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm nâng cao giá trị kinh tế của nước, bảo đảm an ninh tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia đối với lưu vực sông Sê San.

b) Bảo vệ tài nguyên nước, từng bước bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

c) Bảo đảm lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra, phòng, chống sụt, lún do khai thác nước dưới đất.

d) Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu giám sát thực hiện quy hoạch, một số chỉ số an ninh tài nguyên nước của lưu vực sông phù hợp.

đ) Phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu cơ bản của quy hoạch, gồm:

- 50% vị trí duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông được giám sát tự động, trực tuyến, 50% vị trí còn lại được giám sát định kỳ.

- 100% các nguồn nước liên tỉnh được công bố khả năng tiếp nhận nước thải.

- 100% công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước được giám sát vận hành và kết nối hệ thống theo quy định.

- 100% hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học không được san lấp được công bố.

- 50% nguồn nước được cắm mốc thuộc đối tượng phải cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Duy trì, phát triển tài nguyên nước, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm an ninh tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia.

b) Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tối đa tác hại do nước gây ra. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh.

c) Bổ sung và nâng cao một số chỉ tiêu của quy hoạch, quản lý tổng hợp tài nguyên nước phù hợp với giai đoạn phát triển của quốc gia, ngang bằng với các quốc gia phát triển trong khu vực; nâng cao giá trị của nước phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

III. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Chức năng nguồn nước

a) Các nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia trên lưu vực sông Sê San gồm các sông: Sê San, Đắk Bla, Sa Thầy, Đăk Pơ Ne, Kon Keng, Đăk Po Kei, Ia Krom, Đắk Cấm, Đăk Pru, Đăk Rơ Long, Đăk Ne, Đăk Psi, Đăk Ta Kan, Ia Nhinh, Ia Krel, Đăk Rơ Mao, Ia Tri có chức năng sử dụng cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, du lịch, kinh doanh dịch vụ, thủy điện, giao thông thủy. Chức năng cơ bản của từng nguồn nước, đoạn sông được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Các nguồn nước dưới đất trên lưu vực sông Sê San có chức năng sử dụng cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, tưới cây công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.

b) Các nguồn nước nội tỉnh khi quy định chức năng nguồn nước phải bảo đảm tính hệ thống và phù hợp với chức năng nguồn nước quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

c) Các đối tượng khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước phải tuân thủ chức năng nguồn nước theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Quản lý, bảo vệ, phát triển, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm an ninh nước cho các mục đích khai thác, sử dụng đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực sông, cụ thể như sau:

a) Tổng lượng nước có thể khai thác, sử dụng trên toàn lưu vực ứng với tần suất 50% là 15.716 triệu m^3; ứng với tần suất 85% là 11.962 triệu m^3 (chi tiết quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

Dự kiến nhu cầu khai thác, sử dụng nước đến năm 2030 theo Phụ lục IV kèm theo Quyết định này; lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục V kèm theo Quyết định này. Ưu tiên phân bổ cho mục đích cấp nước sinh hoạt, các mục đích thiết yếu, mục đích sử dụng nước có hiệu quả kinh tế cao đối với các khu vực xảy ra thiếu nước.

b) Trường hợp xảy ra thiếu nước nghiêm trọng, căn cứ hiện trạng nguồn nước, bản tin dự báo về tình hình khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước, mức độ hạn hán, thiếu nước, lượng nước tích trữ trong các hồ chứa hiện có trên lưu vực sông, khả năng khai thác nước dưới đất các địa phương phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng phương án sử dụng nguồn nước hiện có, nguồn nước dự phòng gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định phương án điều hòa, phân bổ nước phù hợp.

3. Quản lý, khai thác, sử dụng nước bảo đảm dòng chảy tối thiểu trên sông

Việc khai thác, sử dụng nước phải bảo đảm giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này. Trường hợp xây dựng mới các công trình khai thác, sử dụng nước, căn cứ vào điều kiện thực tế, đặc điểm nguồn nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định giá trị dòng chảy tối thiểu sau công trình theo thẩm quyền, bảo đảm giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông quy định tại Quyết định này.

Đối với việc chuyển nước sang lưu vực sông Trà Khúc từ công trình thủy điện Thượng Kon Tum phải bảo đảm dòng chảy tối thiểu trả về hạ lưu sông Đắk Bla theo quy trình vận hành liên hồ chứa. Chưa xem xét việc chuyển nước sang lưu vực khác đối với các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước khác trong kỳ Quy hoạch này.

4. Quản lý, khai thác, sử dụng nước dưới đất bảo đảm không vượt quá trữ lượng có thể khai thác quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này và không vượt quá mực nước giới hạn cho phép theo quy định.

5. Nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước

Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước tại một số khu vực do hoạt động khai thác, do hoạt động sản xuất, xả nước thải vào nguồn nước, thì sử dụng nguồn nước dự phòng từ nguồn nước dưới đất quy định tại Phụ lục VI kèm theo Quyết định này.

6. Công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước

a) Các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước trong Quy hoạch này gồm các hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 500.000 m^3 trở lên, các công trình thủy điện từ 2MW trở lên, các công trình khai thác nước mặt cho các mục đích khác từ 50.000 m^3/ngày trở lên, các công trình khai thác nước dưới đất từ 3.000 m^3/ngày trở lên.

b) Các công trình đang khai thác, sử dụng nước cần nâng cao khả năng tích nước, trữ nước, tham gia điều tiết nguồn nước theo nhiệm vụ của từng công trình. Phải có phương án vận hành công trình để bảo đảm cấp nước cho hạ lưu theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp xảy ra thiếu nước.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

c) Trong kỳ quy hoạch, nghiên cứu bổ sung các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước đa mục tiêu với tổng dung tích điều tiết khoảng 3,9 triệu m^3 trở lên, trong đó trên tiểu lưu vực sông hạ Sê San với dung tích khoảng 3,5 triệu m^3 trở lên, trên tiểu lưu vực sông hạ Đăk Bla với dung tích khoảng 0,4 triệu m^3 trở lên.

Danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước được quy định tại Phụ lục VII kèm theo Quyết định này.

7. Bảo vệ tài nguyên nước

Việc khai thác, sử dụng phải gắn với bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ nguồn sinh thủy, sự lưu thông dòng chảy, các hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị đa dạng sinh học phù hợp với chức năng nguồn nước trong kỳ Quy hoạch như sau:

a) Quản lý chặt chẽ rừng đầu nguồn, phấn đấu duy trì tỷ lệ che phủ rừng là nguồn sinh thủy trên lưu vực sông, đặc biệt là tại thượng lưu các sông Sê San, Đăk Bla và Sa Thầy.

b) Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, suối gồm: Sê San, Đắk Bla, Sa Thầy, Đăk Pơ Ne, Kon Keng, Đăk Po Kei, Ia Krom, Đắk Cấm, Đăk Pru, Đăk Rơ Long, Đăk Ne, Đăk Psi, Đăk Ta Kan, Ia Nhinh, Ia Krel, Đăk Rơ Mao, Ia Tri. Các dự án kè bờ, gia cố bờ sông, san, lấp, lấn sông, cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông không được thu hẹp quá 5% bề rộng lòng sông. Các sông, suối khác căn cứ vào tầm quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, điều hòa, cảnh quan môi trường cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét, quyết định việc quản lý không gian tiêu thoát nước cho phù hợp.

c) Quản lý, giám sát các cơ sở sản xuất có hoạt động xả nước thải, thu gom, xử lý nước thải đô thị xả vào nguồn nước để bảo đảm chức năng nguồn nước theo quy định.

d) Công bố, quản lý chặt chẽ danh mục các hồ, ao không được san lấp, các hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học.

8. Phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông và sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất

a) Thực hiện biện pháp bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; điều tra, đánh giá, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; nghiên cứu sự biến đổi lòng dẫn, quy luật tự nhiên tác động đến sự ổn định của lòng, bờ, bãi sông.

b) Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, không để phát sinh hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, sạt, lở bờ, bồi lấp sông, suối.

c) Thực hiện việc khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, dừng khai thác nước dưới đất đối với các vùng đã xảy ra sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất và không xây mới các công trình khai thác đối với vùng liền kề, vùng đã xảy ra sụt, lún đất; có kế hoạch, lộ trình điều chỉnh khai thác nước dưới đất hợp lý tại những khu vực có nguy cơ sụt lún, ô nhiễm, hạ thấp mực nước quá mức.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

9. Giám sát tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước và chất lượng nước

Xây dựng và duy trì mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước theo Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thực hiện việc giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên các sông, suối theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quyết định này.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, các quy chuẩn về khai thác, sử dụng, tái sử dụng tài nguyên nước

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, bảo vệ nguồn sinh thủy, bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn; tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng nước, tái sử dụng nước. Sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính; cơ chế thu hút, huy động các nguồn lực tài chính trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

b) Rà soát, bổ sung các cơ chế về sử dụng nguồn nước xuyên biên giới.

c) Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch.

2. Điều hòa, phân bổ, phát triển, bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tái sử dụng nước góp phần bảo đảm an ninh tài nguyên nước

a) Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số để hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân bổ nguồn nước trên lưu vực sông Sê San.

b) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước trên lưu vực sông Sê San.

c) Kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên lưu vực sông Sê San thông qua việc kết nối, truyền thông tin, dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng nước, xả nước thải theo quy định.

d) Nâng cao khả năng tích nước, trữ nước của các hồ chứa nước hiện có trên nguyên tắc bảo đảm an toàn; bổ sung, xây dựng mới công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước bảo đảm đa mục tiêu, phù hợp với Quy hoạch này và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

đ) Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa trên các sông, suối thuộc lưu vực sông Sê San để nâng cao khả năng cấp nước cho hạ du, phòng, chống lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước.

g) Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, từng bước phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn bị suy thoái, ưu tiên thực hiện tại thượng lưu các sông Sê San, Đăk Bla, Sa Thầy.

h) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước trên lưu vực sông Sê San.

i) Lập hành lang bảo vệ nguồn nước và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước liên tỉnh trên lưu vực sông Sê San theo quy định.

k) Tổ chức điều tra, đánh giá, quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông liên tỉnh.

l) Khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và trám lấp các lỗ khoan thăm dò, khai thác không còn sử dụng theo quy định.

m) Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, hồ chứa để ứng phó, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

n) Chuyển đổi sản xuất, áp dụng các mô hình tưới tiết kiệm, nhất là tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước.

o) Tăng cường thu gom, xử lý nước thải đô thị.

3. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Ứng dụng khoa học, kỹ thuật để sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm và tái sử dụng nước, quản lý, bảo vệ nguồn nước.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc trao đổi, cung cấp thông tin về nguồn nước xuyên biên giới, nghiên cứu chuyển giao khoa học, công nghệ sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, tái sử dụng nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức công bố Quy hoạch, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan triển khai tuyên truyền các nội dung trọng tâm của Quy hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Quy hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao; kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ đánh giá thực hiện, rà soát, điều chỉnh Quy hoạch theo quy định.

c) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, mô hình số để kết nối thông tin, dữ liệu, thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân bổ nguồn nước trên lưu vực sông theo quy định.

d) Quản lý hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền phù hợp chức năng nguồn nước, mục tiêu chất lượng nước và dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Quyết định này. Thanh tra, kiểm tra việc khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước bảo đảm chức năng nguồn nước, bảo đảm dòng chảy tối thiểu và các nội dung khác của Quy hoạch.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh trên lưu vực xây dựng phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước trong trường hợp hạn hán thiếu nước; thực hiện đo đạc, quan trắc dòng chảy, chất lượng nước; chỉ đạo, tổ chức điều tra, đánh giá, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

e) Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục các hồ thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông Sê San phải xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa trong trường hợp cần thiết.

g) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất tháo gỡ vướng mắc, bất hợp lý trên thực tế (nếu có); thẩm định, tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung, đưa ra khỏi danh mục các công trình khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước do các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu đề xuất trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch này đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoặc quyết định điều chỉnh.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Rà soát, điều chỉnh hoặc đề xuất cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác có khai thác, sử dụng nước phù hợp với Quy hoạch này.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn và nâng cao khả năng trữ nước theo thiết kế của các hồ chứa thủy lợi; bảo vệ, phát triển, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn trên lưu vực; lập, điều chỉnh quy trình vận hành các hồ chứa thủy lợi và công trình thủy lợi trên lưu vực sông Sê San theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch này và các quy hoạch khác có liên quan.

c) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng chống tác hại của nước do thiên tai gây ra theo quy định pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai.

d) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi, công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, chuyển đổi sản xuất để sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

đ) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các đối tượng khai thác, sử dụng nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện các phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước trên lưu vực sông theo quy định.

3. Bộ Xây dựng rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp nước, thoát nước thải đô thị trên lưu vực phù hợp với Quy hoạch này; chỉ đạo xây dựng và thực hiện các giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tỷ lệ thất thoát trong các hệ thống cấp nước đô thị theo thẩm quyền.

4. Bộ Công Thương trong quá trình lập, điều chỉnh các quy hoạch tổng thể về năng lượng và phát triển điện lực có khai thác, sử dụng nước phải xem xét, đánh giá, bảo đảm phù hợp với khả năng đáp ứng nguồn nước trên lưu vực sông Sê San.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công để triển khai thực hiện Quy hoạch.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

6. Bộ Tài chính chủ trì căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền kinh phí chi thường xuyên để thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách theo quy định.

7. Các Bộ, ngành khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai và Kon Tum trong việc khai thác, sử dụng, bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai và Kon Tum

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước tổ chức lập nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đề xuất, bổ sung danh mục công trình khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước ngoài quy định tại điểm a khoản 6 mục III Điều 1 Quyết định này để đưa vào quy hoạch tỉnh theo quy định.

b) Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại từng khu vực, đoạn sông cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định bổ sung chức năng cơ bản của nguồn nước quy định tại Phụ lục I phù hợp với thực tế và nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

c) Chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các nguồn nước nội tỉnh, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thu gom, xử lý nước thải đô thị trên địa bàn trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

d) Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên lưu vực sông theo thẩm quyền, phù hợp chức năng nguồn nước, bảo đảm chất lượng nước và dòng chảy tối thiểu theo quy định.

đ) Tổ chức giám sát các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên lưu vực thuộc phạm vi quản lý thực hiện các phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước theo quy định.

e) Chỉ đạo lập, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên địa bàn theo thẩm quyền phù hợp với Quy hoạch này.

g) Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước.

h) Triển khai các biện pháp bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra theo quy định.

i) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phương án phân bổ kinh phí thực hiện quy hoạch từ nguồn ngân sách địa phương cho các nội dung địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

k) Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch trên địa bàn, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai và Kon Tum, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại giao;
- Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: CN, KTTH, KGVX, QHQT;
- Lưu: VT, NN (2b). Tuynh 12

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục I
CHỨC NĂNG CƠ BẢN NGUỒN NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1204. /QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Đắk Bla						
1	Sông Đắk Bla đoạn 1	43	Măng Buk, Kon Plông, Kon Tum	Đắk Tơ Lung, Kon Rẫy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Đắk Bla đoạn 2	37	Đắk Tơ Lung, Kon Rẫy, Kon Tum	Đắk Ruồng, Kon Rẫy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện (4) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ	Hạng B1	Hạng A2
3	Suối Măng Ke	33	Măng Cành, Kon Plông, Kon Tum	Đắk Tờ Re, Kon Rẫy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Kon Keng	50	Đắk Pxi, Đắk Hà, Kon Tum	Đắk Tơ Lung, Kon Rẫy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
5	Sông Đắk Pơ Ne	56	Đắk Long, Kon Plông, Kon Tum	Đắk Pne, Kon Rẫy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Đắk Bla						
1	Sông Đắk Bla đoạn 3	45	Đắk Tờ Re, Kon Rẫy, Kon Tum	Đắk Blà, thành phố Kon Tum, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện (4) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Đắk Bla đoạn 4	33	Đắk Blà, thành phố Kon Tum, Kon Tum	Đăk Năng, thành phố Kon Tum, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (4) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Đắk Po Kei	43	Hà Đông, Đăk Đoa, Gia Lai	Hà Tây, Đăk Đoa, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Ia Krom	77	Ia Băng, Đăk Đoa, Gia Lai	Hà Tây, Đăk Đoa, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
5	Sông Đắk Cấm đoạn 1	18	Ngok Réo, Đắk Hà, Kon Tum	Vinh Quang, thành phố Kon Tum, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
6	Sông Đắk Cấm đoạn 2	20	Vinh Quang, thành phố Kon Tum, Kon Tum	Phường Ngô Mây, Thành phố Kon Tum, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
7	Sông Đắk Kle đoạn 1	20	Ngok Wang, Đắk Hà, Kon Tum	Đắk La, Đắk Hà, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ	Hạng B1	Hạng A2
8	Sông Đắk Kle đoạn 2	18	Đắk La, Đắk Hà, Kon Tum	Ngok Bay, thành phố Kon Tum, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ	Hạng B1	Hạng A2
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Sê San						
1	Sông Sê San đoạn 1	37	Đắk Man, Đắk Glei, Kon Tum	Thị trấn Đắk Glei, Đắk Glei, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Sê San đoạn 2	33	Thị trấn Đắk Glei, Đắk Glei, Kon Tum	Đắk KRoong, Đắk Glei, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
3	Sông Sê San đoạn 3	23	Đăk KRoong, Đắk Glei, Kon Tum	Đắk Môn, Đắk Glei, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Đắk Rơ Long	38	Đắk Long, Đắk Glei, Kon Tum	Đắk Môn, Đắk Glei, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Đắk Pru	31	Đắk Nhoong, Đắk Glei, Kon Tum	Thị trấn Đắk Glei, Đắk Glei, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
6	Sông Đắk Na	35	Đắk Na, Tu Mơ Rông, Kon Tum	Đắk Ang, Đắk Glei, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
IV	Tiểu vùng trung lưu vực sông Sê San						
1	Sông Sê San đoạn 4	33	Đắk Dục, Đắk Glei, Kon Tum	Pô Kô, Đắk Tô, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện (4) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
2	Sông Sê San đoạn 5	34	Pô Kô, Đắk Tô, Kon Tum	Sa Nghĩa, Sa Thầy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện (4) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Đắk Uy đoạn 1	21	Đăk Ngọk, Đắk Hà, Kon Tum	Thị trấn Đắk Hà, Đắk Hà, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Nuôi trồng thủy sản	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Đắk Uy đoạn 2	21	Thị trấn Đắk Hà, Đắk Hà, Kon Tum	Hà Mòn, Đắk Hà, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Đắk Ta Kan đoạn 1	22	Đắk Rơ Ông, Tu Mơ Rông, Kon Tum	Kon Đào, Đắk Tô, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (3) Nuôi trồng thủy sản (4) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
6	Sông Đắk Ta Kan đoạn 2	25	Kon Đào, Đắk Tô, Kon Tum	Thị trấn Đắk Tô, Đắk Tô, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					(4) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (5) Sử dụng cho thủy điện		
7	Sông Đắk Psi đoạn 1	47	Măng Ri, Tu Mơ Rông, Kon Tum	Đắk Long, Đắk Glei, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
8	Sông Đắk Psi đoạn 2	34	Đắk Long, Đắk Glei, Kon Tum	Diên Bình, Đắk Tô, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
V	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Sê San						
1	Sông Sê San đoạn 6	53	Sa Bình, Sa Thầy, Kon Tum	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện (4) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Sê San đoạn 7	41	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	Ia O, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					(3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp (4) Sử dụng cho thủy điện		
3	Sông Ia Krel	63	Ia Dơk, Đức Cơ, Gia Lai	Ia Dom, Đức Cơ, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Ia Nhinh	44	Thị trấn Phú Hòa, Chư Păh, Gia Lai	Ia Mơ Nông, Chư Păh, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Đắk Sir	58	Rơ Kơi, Sa Thầy, Kon Tum	Sa Bình, Sa Thầy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
6	Sông Ia Grai	57	Ia Mơ Nông, Chư Păh, Gia Lai	Ia Grăng, Ia Grai, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
7	Sông Ia Roey	36	Hòa Phú, Chư Păh, Gia Lai	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
VI	Lưu vực sông Sa Thầy						
1	Sông Sa Thầy đoạn 1	31	Đăk Kan, Ngọc Hồi, Kon Tum	Rơ Kơi, Sa Thầy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp (4) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (5) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Sa Thầy đoạn 2	32	Rơ Kơi, Sa Thầy, Kon Tum	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp (4) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (5) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Sa Thầy đoạn 3	52	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	Ia Dal, Ia H' Drai, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho du lịch, kinh doanh dịch vụ (4) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
4	Sông Ia Tri đoạn 1	18	Ia Dom, Sa Thầy, Kon Tum	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Ia Tri đoạn 2	15	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	Ia Dal, Ia H' Drai, Kon Tum	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
VII	Hồ tự nhiên						
1	Biển Hồ		Biển Hồ, thành phố Pleiku, Gia Lai	Biển Hồ, thành phố Pleiku, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Tạo cảnh quan, du lịch (3) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
2	Trà Đa		Phường Trà Bá, thành phố Pleiku, Gia Lai	Phường Trà Bá, thành phố Pleiku, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tạo cảnh quan, du lịch	Hạng B1	Hạng A2

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục II

LƯỢNG NƯỚC CÓ THỂ KHAI THÁC, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 2204../QĐ-TTg ngày 27..tháng..12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Lượng nước có thể khai thác, sử dụng đến năm 2030

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước có thể khai thác, sử dụng (triệu m^3)				
		Nước dưới đất	Nước mặt (tần suất 50%)	Nước mặt (tần suất 85%)	Tổng lượng nước (tần suất 50%)	Tổng lượng nước (tần suất 85%)
		(1)	*(2)*	*(3)*	*(4) = (1) + (2)*	*(5) = (1) + (3)*
	Toàn vùng quy hoạch	**953**	**14.764**	**11.008**	**15.716**	**11.962**
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Đắk Bla	100,3	1.555	1.385	1.655	1.486
1	Sông Đắk Pơ Ne	37,1	575	513	612	550
2	Sông Kon Keng	29,1	451	401	480	431
3	Sông Đắk Bla đoạn 1	34,1	529	471	563	505
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Đắk Bla	234,2	1.618	663	1.852	897
1	Sông Đắk Po Kei	43,3	299	123	343	166
2	Sông Ia Krom	128,8	890	365	1.019	493
3	Sông Đắk Cấm	37,5	259	105	296	144
4	Sông Đắk Bla đoạn 2	24,6	170	70	194	94

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước có thể khai thác, sử dụng (triệu m^3)				
		Nước dưới đất	Nước mặt (tần suất 50%)	Nước mặt (tần suất 85%)	Tổng lượng nước (tần suất 50%)	Tổng lượng nước (tần suất 85%)
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Sê San	1,4	1.616	945	1.617	947
1	Sông Đắk Pru	0,2	267	156	267	156
2	Sông Đắk Rơ Long	0,4	420	246	421	246
3	Sông Đắk Ne	0,3	339	198	339	199
4	Sông Sê San đoạn 1	0,5	590	345	590	346
IV	Tiểu vùng trung lưu vực sông Sê San	25,9	3.978	2.560	4.004	2.586
1	Sông Đắk Psi	9,1	1.392	895	1.401	905
2	Sông Đắk Ta Kan	4,2	637	410	641	414
3	Sông Sê San đoạn 2	12,6	1.949	1.255	1.962	1.267
V	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Sê San	591,2	4.472	4.188	5.063	4.779
1	Sông Ia Nhinh	29,6	224	209	253	239
2	Sông Ia Krel	58,5	443	415	501	473
3	Sông Sê San đoạn 3	503,1	3.805	3.564	4.309	4.067
VI	Lưu vực sông Sa Thầy	-	1.525	1.267	1.525	1.267
1	Sông Đắk Rơ Mao	-	327	271	327	271
2	Sông Ia Tri	-	152	127	152	127
3	Sông Sa Thầy	-	1.046	869	1.046	869

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Lượng nước có thể khai thác, sử dụng theo tháng đến năm 2030 ứng với các tần suất nước đến

TT	Vùng quy hoạch	Tần suất	Lượng nước có thể khai thác theo tháng (triệu m^3)												Cả năm (triệu m^3)
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
	Toàn vùng quy hoạch	**50%**	**612**	**385**	**354**	**338**	**583**	**1.057**	**1.655**	**2.370**	**2.927**	**2.595**	**1.865**	**976**	**15.716**
		85%	**439**	**275**	**255**	**245**	**441**	**826**	**1.286**	**1.831**	**2.283**	**1.982**	**1.389**	**709**	**11.962**
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Đắk Bla	50%	70	45	38	33	56	119	187	271	305	258	171	104	1.655
		85%	63	40	34	29	50	107	168	243	273	231	153	93	1.486
1	Sông Đắk Pơ Ne	50%	26	17	14	12	21	44	69	100	113	95	63	39	612
		85%	23	15	13	11	18	39	62	90	101	86	57	35	550
2	Sông Kon Keng	50%	20	13	11	9	16	34	54	79	88	75	50	30	480
		85%	18	12	10	8	14	31	49	71	79	67	44	27	431
3	Sông Đắk Bla đoạn 1	50%	24	15	13	11	19	40	64	92	104	88	58	35	563
		85%	21	14	12	10	17	36	57	83	93	79	52	32	505
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Đắk Bla	50%	76	45	38	34	56	114	198	300	341	312	214	125	1.852
		85%	37	22	18	16	27	55	96	145	165	151	104	60	897
1	Sông Đắk Po Kei	50%	14	8	7	6	10	21	37	55	63	58	40	23	343
		85%	7	4	3	3	5	10	18	27	31	28	19	11	166
2	Sông Ia Krom	50%	42	25	21	19	31	62	109	165	188	171	118	69	1.019
		85%	20	12	10	9	15	30	53	80	91	83	57	33	493
3	Sông Đắk Cấm	50%	12	7	6	5	9	18	32	48	55	50	34	20	296
		85%	6	3	3	3	4	9	15	23	26	24	17	10	144
4	Sông Đắk Bla đoạn 2	50%	8	5	4	4	6	12	21	31	36	33	22	13	194

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Vùng quy hoạch	Tần suất	Lượng nước có thể khai thác theo tháng (triệu m^3)												Cả năm (triệu m^3)
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
		85%	4	2	2	2	3	6	10	15	17	16	11	6	94
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Sê San	50%	92	60	54	50	72	92	128	182	235	258	258	138	1.617
		85%	54	35	32	29	42	54	75	107	138	151	151	81	947
1	Sông Đắk Pru	50%	15	10	9	8	12	15	21	30	39	43	43	23	267
		85%	9	6	5	5	7	9	12	18	23	25	25	13	156
2	Sông Đắk Rơ Long	50%	24	16	14	13	19	24	33	47	61	67	67	36	421
		85%	14	9	8	8	11	14	19	28	36	39	39	21	246
3	Sông Đắk Ne	50%	19	13	11	10	15	19	27	38	49	54	54	29	339
		85%	11	7	7	6	9	11	16	22	29	32	32	17	199
4	Sông Sê San đoạn 1	50%	34	22	20	18	26	34	47	67	86	94	94	50	590
		85%	20	13	12	11	15	20	27	39	50	55	55	29	346
IV	Tiểu vùng trung lưu vực sông Sê San	50%	207	142	134	127	178	247	379	539	629	619	505	298	4.004
		85%	134	91	86	82	115	159	245	348	407	400	326	193	2.586
1	Sông Đắk Psi	50%	72	50	47	44	62	86	133	188	220	217	177	104	1.401
		85%	47	32	30	29	40	56	86	122	142	140	114	67	905
2	Sông Đắk Ta Kan	50%	33	23	21	20	29	39	61	86	101	99	81	48	641
		85%	21	15	14	13	18	26	39	56	65	64	52	31	414
3	Sông Sê San đoạn 1	50%	101	69	65	62	87	121	186	264	308	303	248	146	1.962
		85%	65	45	42	40	56	78	120	170	199	196	160	94	1.267

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Vùng quy hoạch	Tần suất	Lượng nước có thể khai thác theo tháng (triệu m^3)												Cả năm (triệu m^3)
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
V	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Sê San	50%	120	80	83	88	202	420	608	818	1.093	834	515	202	5.063
		85%	113	76	78	83	190	396	574	772	1.031	788	487	191	4.779
1	Sông Ia Nhinh	50%	6	4	4	4	10	21	30	41	55	42	26	10	253
		85%	6	4	4	4	10	20	29	39	52	39	24	10	239
2	Sông Ia Krel	50%	12	8	8	9	20	42	60	81	108	83	51	20	501
		85%	11	8	8	8	19	39	57	76	102	78	48	19	473
3	Sông Sê San đoạn 1	50%	102	68	70	75	172	357	518	696	930	710	439	172	4.309
		85%	96	65	67	71	162	337	489	657	878	670	414	162	4.067
VI	Lưu vực sông Sa Thầy	50%	47	13	7	6	19	67	154	261	324	315	202	110	1.525
		85%	39	11	6	5	16	55	128	217	269	262	168	91	1.267
1	Sông Đắk Rơ Mao	50%	10	3	2	1	4	14	33	56	69	67	43	24	327
		85%	8	2	1	1	3	12	27	46	58	56	36	20	271
2	Sông Ia Tri	50%	5	1	1	1	2	7	15	26	32	31	20	11	152
		85%	4	1	1	1	2	6	13	22	27	26	17	9	127
3	Dòng chính Sa Thầy	50%	33	9	5	4	13	46	105	179	222	216	138	75	1.046
		85%	27	7	4	4	11	38	88	149	185	179	115	63	869

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục III
DÒNG CHẢY TỐI THIỂU

(Kèm theo Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đoạn sông	Chiều dài (km)	Điểm quy định dòng chảy tối thiểu	Vị trí địa lý (xã, huyện, tỉnh)	Dòng chảy tối thiểu (m^3/s)
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Đắk Bla				
1	Sông Đắk Bla đoạn 1	43	Trước nhập lưu suối Măng Ke	Đăk Tơ Lung, Kon Rẫy, Kon Tum	0,77
2	Sông Đắk Bla đoạn 2	37	Thượng lưu hồ Đắk Bla1	Đắk Ruồng, Kon Rẫy, Kon Tum	4,51
3	Suối Măng Ke	33	Trước nhập lưu sông Đắk Bla	Đắk Tờ Re, Kon Rẫy, Kon Tum	0,47
4	Sông Kon Keng	50	Trước nhập lưu sông Đắk Bla	Đắk Tơ Lung, Kon Rẫy, Kon Tum	1,31
5	Sông Đắk Pơ Ne	56	Trước nhập lưu sông Đắk Bla	Đắk Pne, Kon Rẫy, Kon Tum	2,11
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Đắk Bla				
1	Sông Đắk Bla đoạn 3	45	Trước nhập lưu sông Ia Krom	Đắk Blà, thành phố Kon Tum, Kon Tum	6,96
2	Sông Đắk Bla đoạn 4	33	Trước nhập lưu sông Sê San	Đăk Năng, thành phố Kon Tum, Kon Tum	19,00
3	Sông Đắk Po Kei	43	Trước nhập lưu sông Sê San	Hà Tây, Đăk Đoa, Gia Lai	2,24
4	Sông Ia Krom	77	Trước nhập lưu sông Sê San	Hà Tây, Đăk Đoa, Gia Lai	6,64
5	Sông Đắk Cấm đoạn 1	18	Ranh giới Đắk Ngọk và Đắk La	Vinh Quang, thành phố Kon Tum, Kon Tum	1,03

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Đoạn sông	Chiều dài (km)	Điểm quy định dòng chảy tối thiểu	Vị trí địa lý (xã, huyện, tỉnh)	Dòng chảy tối thiểu (m^3/s)
6	Sông Đắk Cấm đoạn 2	20	Trước nhập lưu sông Đắk Lay	Phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, Kon Tum	1,21
7	Sông Đắk Kle đoạn 1	20	Tại ranh giới Ngok Wang và Đắk La	Đắk La, Đắk Hà, Kon Tum	0,41
8	Sông Đắk Kle đoạn 2	18	Trước nhập lưu sông Sê San	Ngok Bay, thành phố Kon Tum, Kon Tum	1,03
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Sê San				
1	Sông Sê San đoạn 1	37	Trước nhập lưu sông Đắk Pru	Thị trấn Đắk Glei, Đắk Glei, Kon Tum	1,14
2	Sông Sê San đoạn 2	33	Trước nhập lưu sông Đắk La	Đắk KRoong, Đắk Glei, Kon Tum	3,35
3	Sông Sê San đoạn 3	23	Sau nhập lưu sông Đắk Rơ Long	Đắk Môn, Đắk Glei, Kon Tum	8,97
4	Sông Đắk Rơ Long	38	Trước nhập lưu sông Sê San	Đắk Môn, Đắk Glei, Kon Tum	2,32
5	Sông Đắk Pru	31	Trước nhập lưu sông Sê San	Thị trấn Đắk Glei, Đắk Glei, Kon Tum	1,16
6	Sông Đắk Na	35	Trước nhập lưu sông Sê San	Đắk Ang, Đắk Glei, Kon Tum	1,50
IV	Tiểu vùng trung lưu vực sông Sê San				
1	Sông Sê San đoạn 4	33	Trước nhập lưu sông Đắk Ta Kan	Pô Kô, Đắk Tô, Kon Tum	9,73
2	Sông Sê San đoạn 5	34	Thượng lưu hồ Plêi Krông	Sa Nghĩa, Sa Thầy, Kon Tum	20,09
3	Sông Đắk Uy đoạn 1	21	Ranh giới Đắk Hà, Hà Mòn	Thị trấn Đắk Hà, Đắk Hà, Kon Tum	0,61

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Đoạn sông	Chiều dài (km)	Điểm quy định dòng chảy tối thiểu	Vị trí địa lý (xã, huyện, tỉnh)	Dòng chảy tối thiểu (m^3/s)
4	Sông Đắk Uy đoạn 2	21	Trước nhập lưu sông Sê San	Hà Mòn, Đắk Hà, Kon Tum	0,96
5	Sông Đắk Ta Kan đoạn 1	22	Trước nhập lưu sông Đắk Rơ nu	Kon Đào, Đắk Tô, Kon Tum	1,14
6	Sông Đắk Ta Kan đoạn 2	25	Trước nhập lưu sông Sê San	Thị trấn Đắk Tô, Đắk Tô, Kon Tum	1,27
7	Sông Đắk Psi đoạn 1	47	Trước nhập lưu sông Đắk Hring	Đắk Long, Đắk Glei, Kon Tum	3,96
8	Sông Đắk Psi đoạn 2	34	Trước nhập lưu sông Sê San	Diên Bình, Đắk Tô, Kon Tum	4,79
V	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Sê San				
1	Sông Sê San đoạn 6	53	Trước nhập lưu sông Ia Nhinh	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	55,15
2	Sông Sê San đoạn 7	41	Sau thủy điện Sê San 4A	Ia O, Chư Prông, Gia Lai	66,12
3	Sông Ia Krel	63	Cửa ra sông Ia Krel tại biên giới	Ia Dom, Đức Cơ, Gia Lai	1,29
4	Sông Ia Nhinh	44	Trước nhập lưu sông Sê San	Ia Mơ Nông, Chư Păh, Gia Lai	1,40
5	Sông Đắk Sir	58	Trước nhập lưu sông Sê San	Sa Bình, Sa Thầy, Kon Tum	5,34
6	Sông Ia Grai	57	Trước nhập lưu sông Sê San	Ia Grăng, Ia Grai, Gia Lai	2,27
7	Sông Ia Roey	36	Trước nhập lưu sông Sê San	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	2,73

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Đoạn sông	Chiều dài (km)	Điểm quy định dòng chảy tối thiểu	Vị trí địa lý (xã, huyện, tỉnh)	Dòng chảy tối thiểu (m^3/s)
VI	Lưu vực sông Sa Thầy				
1	Sông Sa Thầy đoạn 1	31	Trước nhập lưu sông Đắk Rờ Kay	Rơ Kơi, Sa Thầy, Kon Tum	0,65
2	Sông Sa Thầy đoạn 2	32	Trước nhập lưu sông Ia Tri	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	2,29
3	Sông Sa Thầy đoạn 3	52	Trước nhập nhập lưu sông Sê San	Ia Dal, Ia H' Drai, Kon Tum	5,22
4	Sông Ia Tri đoạn 1	18	Ranh giới Ia Drom và Mô Rai	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	0,13
5	Sông Ia Tri đoạn 2	15	Trước nhập lưu sông Sa Thầy	Ia Dal, Ia H' Drai, Kon Tum	0,63

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục IV

NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1201../QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Vùng quy hoạch	Nhu cầu khai thác, sử dụng nước theo tháng (triệu m^3)												Cả năm (triệu m^3)
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
	Toàn vùng quy hoạch	**90**	**151**	**158**	**120**	**73**	**106**	**59**	**48**	**77**	**40**	**36**	**85**	**1.043**
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Đắk Bla	7	8	9	9	7	11	6	4	4	3	2	6	74
1	Sinh hoạt	0,15	0,14	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	1,82
2	Công nghiệp	0,58	0,52	0,58	0,56	0,58	0,56	0,58	0,58	0,56	0,58	0,56	0,58	6,78
3	Nông nghiệp	5,83	7,59	7,92	7,99	6,08	10,13	5,22	2,86	3,46	2,04	1,33	5,30	65,75
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Đắk Bla	30	49	51	37	23	33	19	16	24	13	11	28	333
1	Sinh hoạt	2,47	2,23	2,47	2,39	2,47	2,39	2,47	2,47	2,39	2,47	2,39	2,47	29,05
2	Công nghiệp	6,17	5,57	6,17	5,97	6,17	5,97	6,17	6,17	5,97	6,17	5,97	6,17	72,61
3	Nông nghiệp	21,12	41,25	42,24	29,01	14,13	24,16	10,02	7,25	16,11	4,07	3,12	18,94	231,43
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Sê San	5	6	6	5	4	7	4	3	3	2	2	5	53
1	Sinh hoạt	0,12	0,11	0,12	0,11	0,12	0,11	0,12	0,12	0,11	0,12	0,11	0,12	1,39

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Vùng quy hoạch	Nhu cầu khai thác, sử dụng nước theo tháng (triệu m^3)												Cả năm (triệu m^3)
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
2	Công nghiệp	0,96	0,87	0,96	0,93	0,96	0,93	0,96	0,96	0,93	0,96	0,93	0,96	11,35
3	Nông nghiệp	4,07	5,07	5,28	4,28	3,24	5,90	2,54	1,73	2,15	1,09	0,92	3,69	39,96
IV	Tiểu vùng trung lưu vực sông Sê San	22	34	36	28	16	21	12	10	17	9	9	21	236
1	Sinh hoạt	0,58	0,53	0,58	0,57	0,58	0,57	0,58	0,58	0,57	0,58	0,57	0,58	6,88
2	Công nghiệp	2,75	2,48	2,75	2,66	2,75	2,66	2,75	2,75	2,66	2,75	2,66	2,75	32,39
3	Nông nghiệp	18,70	31,18	33,11	24,40	12,34	17,85	8,90	6,99	13,92	6,05	5,38	17,88	196,71
V	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Sê San	22	48	50	36	20	30	16	13	25	11	10	21	303
1	Sinh hoạt	1,61	1,45	1,61	1,56	1,61	1,56	1,61	1,61	1,56	1,61	1,56	1,61	18,92
2	Công nghiệp	5,93	5,35	5,93	5,74	5,93	5,74	5,93	5,93	5,74	5,93	5,74	5,93	69,78
3	Nông nghiệp	14,62	41,18	42,62	28,40	12,80	22,50	8,78	5,89	17,33	3,13	2,85	13,85	213,95
VI	Lưu vực sông Sa Thầy	4	5	6	5	3	5	3	2	3	2	2	4	44
1	Sinh hoạt	0,15	0,13	0,15	0,14	0,15	0,14	0,15	0,15	0,14	0,15	0,14	0,15	1,72
2	Công nghiệp	0,52	0,47	0,52	0,50	0,52	0,50	0,52	0,52	0,50	0,52	0,50	0,52	6,08
3	Nông nghiệp	3,29	4,60	5,09	4,35	2,78	4,15	1,94	1,59	2,41	1,49	1,15	3,27	36,10

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục V

LƯỢNG NƯỚC PHÂN BỔ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 2204. /QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng đến năm 2030

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng (triệu m^3)							
		Tần suất nước đến 50%				Tần suất nước đến 85%			
		Sinh hoạt	Công nghiệp	Nông nghiệp	Tổng	Sinh hoạt	Công nghiệp	Nông nghiệp	Tổng
	Toàn vùng quy hoạch	**59,78**	**198,99**	**782,35**	**1041**	**59,79**	**181,51**	**687,49**	**929**
1	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Đắk Bla	1,83	6,78	65,74	74	1,82	6,78	65,75	74
2	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Đắk Bla	29,06	72,61	231,42	333	29,05	65,35	197,96	292
3	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Sê San	1,39	11,35	39,96	53	1,39	11,36	39,96	53
4	Tiểu vùng trung lưu vực sông Sê San	6,88	32,39	196,71	236	6,88	29,15	169,69	206
5	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Sê San	18,92	69,77	212,40	301	18,92	62,80	178,03	260
6	Lưu vực sông Sa Thầy	1,72	6,08	36,11	44	1,72	6,08	36,10	44

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo tháng đến năm 2030

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo tháng (triệu m^3)												Cả năm (triệu m^3)
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
I	**Tần suất nước đến 50%**													
	Toàn vùng quy hoạch	**63**	**52**	**80**	**43**	**40**	**88**	**93**	**154**	**142**	**99**	**77**	**110**	**1041**
1	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Đắk Bla	5,95	3,59	4,17	2,78	2,04	6,03	6,56	8,25	8,65	8,70	6,81	10,84	74
2	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Đắk Bla	18,65	15,89	24,46	12,70	11,47	27,58	29,75	49,05	50,87	37,37	22,77	32,52	333
3	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Sê San	3,62	2,81	3,20	2,17	1,97	4,77	5,15	6,04	6,36	5,33	4,32	6,95	53
4	Tiểu vùng trung lưu vực sông Sê San	12,24	10,33	17,15	9,39	8,60	21,22	22,03	34,20	36,45	27,63	15,67	21,08	236
5	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Sê San	19,87	16,97	28,18	14,21	13,70	24,93	25,71	51,54	33,57	15,20	23,88	33,34	301
6	Lưu vực sông Sa Thầy	2,61	2,25	3,05	2,15	1,79	3,94	3,95	5,20	5,75	4,99	3,44	4,79	44
II	**Tần suất nước đến 85%**													
	Toàn vùng quy hoạch	**63**	**53**	**77**	**46**	**42**	**85**	**89**	**142**	**104**	**82**	**64**	**83**	**929**
1	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Đắk Bla	5,95	3,59	4,17	2,78	2,04	6,03	6,56	8,25	8,65	8,70	6,81	10,84	74
2	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Đắk Bla	18,60	16,24	23,51	13,54	12,41	26,13	28,09	44,40	27,72	29,40	22,04	30,30	292
3	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Sê San	3,62	2,81	3,20	2,17	1,97	4,77	5,15	6,04	6,36	5,33	4,32	6,95	53
4	Tiểu vùng trung lưu vực sông Sê San	10,87	9,25	15,03	8,45	7,67	18,41	19,29	29,58	31,36	23,84	13,70	18,27	206
5	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Sê San	21,31	18,85	28,35	16,50	15,97	25,54	26,35	48,25	24,06	9,27	13,28	12,02	260
6	Lưu vực sông Sa Thầy	2,61	2,25	3,05	2,15	1,79	3,94	3,95	5,20	5,75	4,99	3,44	4,79	44

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục VI

NGUỒN NƯỚC DỰ PHÒNG CẤP NƯỚC CHO SINH HOẠT

(Kèm theo Quyết định số 1204. /QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu vực có nguy cơ ô nhiễm	Khu vực dự phòng	Lượng nước dự phòng (triệu m^3)
1	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0,50
		Xã Đăk Cấm, xã Hòa Bình, xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0,56
		Xã Ngok Réo, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	0,50
2	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	0,05
3	Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	0,65
4	Xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	Xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0,34
	Tổng		**2,60**

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục VII

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU TIẾT, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2204../QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
I	**Đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước**						
1	Ia Ly	Thủy điện	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai và Ia Tăng, Sa Thầy, Kon Tum	1.037	720	Sông Sê San	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
2	Sê San 3	Thủy điện	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai và Ya Tăng, Sa Thầy, Kon Tum	92	260	Sông Sê San	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
3	Sê San 3A	Thủy điện	Ia Khai, Ia Grai, Gia Lai và Ia Tơi, Ia H'Drai, Kon Tum	80,6	108	Sông Sê San	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
4	Sê San 4	Thủy điện	Ia O, Ia Grai, Gia Lai và Ia Tơi, Ia H'Drai, Kon Tum	893,3	360	Sông Sê San	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
5	Sê San 4A	Thủy điện	Ia O, Ia Grai, Gia Lai và Ia Tơi, Ia H'Drai, Kon Tum	13,13	63	Sông Sê San	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
6	Ry Ninh	Thủy điện	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	0,038	3,6	Suối Ry Ninh	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
7	Ry Ninh 2	Thủy điện	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	0,263	8,1	Suối Ry Ninh	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
8	Hà Tây	Thủy điện	Hà Tây, Chư Păh, Gia Lai	0,98	9	Suối Đắk Pơ Tang	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
9	Đăk Đoa	Thủy điện	Đăk SơMei, Đăk Đoa, Gia Lai	29,13	14	Sông Ia Krom	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
10	Ia Grai 1 (hồ A)	Thủy điện	Ia Tô và Ia Grăng, Ia Grai, Gia Lai	17,37	10,8	Sông Ia Grai	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
	Ia Grai 1 (hồ B)	Thủy điện	Ia Tô và Ia Grăng, Ia Grai, Gia Lai	0,014			(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
11	Ia Grai 2	Thủy điện	Ia Krai và Ia Tô, Ia Grai, Gia Lai	5,692	7,5	Sông Ia Grai	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
12	Ia Grai 3	Thủy điện	Ia Khai, Ia Grai, Gia Lai	31,69	7,5	Sông Ia Grai	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
13	Chư Prông	Thủy điện	Ia Grăng, Ia Grai, Gia Lai	2,9	3,75	Suối Ia Grăng	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
14	Ia H'rung	Thủy điện	Ia Grăng, Ia Grai, Gia Lai	0,34	4,5	Suối Ia Grăng	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
15	Đăk Hnol	Thủy điện	Hnol, Đăk Đoa, Gia Lai	0,0044	2,1	Suối Đắk Hnol	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
16	Ia Grăng 1	Thủy điện	Ia Bă, Ia Grai, Gia Lai	0,095	5,6	Suối Ia Grăng	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
17	Ia Tchom 1	Thủy điện	Ia Tô, Ia Grai, Gia Lai	0,958	8	Suối Ia Tchom	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
18	Đăk Pô Kei	Thủy điện	Hà Tây, Chư Păh, Gia Lai và Đăk Tờ Re, Kon Rẫy, Kon Tum	1,139	6	Suối Đắk Pô Kei	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
19	Đăk Pô Ne 2	Thủy điện	Đăk Pne, Kon Rẫy, Kon Tum	0,02	3,6	Sông Đắk Pơ Ne	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
20	Đăk Pô Ne	Thủy điện	Thị trấn Đăk Rve, Kon Plông, Kon Tum	0,007	15,6	Sông Đắk Pơ Ne	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
21	Đăk Ne	Thủy điện	Tân Lập, Kon Rẫy, Kon Tum	0,3	8,1	Sông Đắk Snghé	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
22	Đăk Psi 4	Thủy điện	Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Kon Tum	1,8	30	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
23	Đăk Psi 3	Thủy điện	Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Kon Tum	3,53	15	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
24	Đăk Rơ Sa 2	Thủy điện	Ngọc Tụ, Đăk Tô, Kon Tum	0,052	2,4	Sông Đắk'Tlan	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
25	Đăk Pia	Thủy điện	Đăk Kôi, Kon Rẫy, Kon Tum	0,029	2,2	Suối Đắk Pia	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
26	Đăk Psi 5	Thủy điện	Đăk Long, Đăk Hà, Kon Tum	-	10	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
27	Đăk Rơ Sa	Thủy điện	Đăk Trâm và Ngọc Tụ, Đăk Tô, Kon Tum	0,298	7,5	Sông Đắk'Tlan	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
28	Đăk Pô Ne 2AB	Thủy điện	Đăk Pne, Kon Rẫy, Kon Tum	0,172	5,1	Sông Đắk Pơ Ne	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
29	Đăk Ter 1	Thủy điện	Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Kon Tum	0,0497	3,6	Suối Đắk Ter	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
30	Đăk Ter 2	Thủy điện	Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Kon Tum	0,004	3,4	Suối Đắk Ter	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
31	Đăk Gret	Thủy điện	Đăk Kôi, Kon Rẫy, Kon Tum	0,08	3,6	Sông Đắk Bla	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
32	Đăk Lây	Thủy điện	Ngọc Lây, Tu Mơ Rông, Kon Tum	0,11	3,2	Suối Đắk Lây	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
33	Đăk Xú	Thủy điện	Đắk Xú, Ngọc Hồi, Kon Tum	0,06	2,2	Sông Sê San	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
34	Đăk Pô Cô	Thủy điện	Pô Kô, Đăk Tô, Kon Tum	3,389	15	Sông Krông Pô Kô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
35	Đăk Bla 1	Thủy điện	Đăk Ruồng, Kon Rẫy, Kon Tum	4,6	15	Sông Đắk Bla	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
36	Đăk Psi	Thủy điện	Đăk Pxi, Đăk Hà, Kon Tum	-	18	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
37	Đăk Psi 2B	Thủy điện	Văn Xuôi, Tu Mơ Rông, Kon Tum	2,91	14	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
38	Đăk Pru 1	Thủy điện	Đăk Nhoong, Đăk Glei, Kon Tum	0,072	7	Sông Đắk Pru	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
39	Hồ Đăk Bla	Thủy điện	Đăk Blà, thành phố Kon Tum, Kon Tum và Hà Tây, Chư Păh, Gia Lai	46,21	27	Sông Đắk Bla	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
40	Plei Kần	Thủy điện	Plei Kần, Ngọc Hồi, Kon Tum	1,00	17	sông Đắk Pô Kô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
41	Đăk Trưa 1	Thủy điện	Đăk Pxi, Đăk Hà, Kon Tum	0,137	4,8	Suối Đắk Trưa	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
42	Đăk Trưa 2	Thủy điện	Đăk Pxi, Đăk Hà, Kon Tum	0,184	4	Suối Đắk Trưa	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
43	Đăk Piu 2	Thủy điện	Đăk Ang, Ngọc Hồi, Kon Tum	0,2	4	Sông Đắk Piu	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
44	Đăk Ruồi 2	Thủy điện	Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei, Kon Tum	-	14	Suối Đắk Druồi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
45	Đăk Ruồi 3	Thủy điện	Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei, Kon Tum	-	3	Suối Đắk Druồi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
46	Đăk Psi 1	Thủy điện	Tê Xăng, Tu Mơ Rông, Kon Tum	0,035	4	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
47	Đăk Psi 6	Thủy điện	Đăk Long, Đăk Hà; Diên Bình, Đăk Tô, Kon Tum	-	12	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
48	Thượng Đăk Psi	Thủy điện	Ngọc Yêu, Tu Mơ Rông, Kon Tum	-	9	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
49	Đăk Nghé	Thủy điện	Đăk Kôi, Kon rẫy; Măng Cành, Kon Plông, Kon Tum	0,494	7	Sông Đắk Snghé	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
50	Plei Kần Hạ	Thủy điện	Các xã Tân Cảnh, Ngọc Tụ, Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô và xã Đăk Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	-	13	Sông Đắk Pô Kô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
51	Hồ Đội 2	Thủy lợi	Ia Hrung, Ia Grai, Gia Lai	0,30	-	Suối nhánh sông Ia Grai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
52	Hồ Đội 3	Thủy lợi	Ia Hrung, Ia Grai, Gia Lai	0,25	-	Suối nhánh sông Ia Grai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
53	Hồ Tân Sơn	Thủy lợi	Tân Sơn, Chư Păh, Gia Lai	4,4	-	Biển Hồ	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
54	Hồ C5	Thủy lợi	Ia Kla, Ia Grai, Gia Lai	0,94	-	Đắk Pơ ne	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
55	Hồ Ia Thông	Thủy lợi	Ia Hrung, Ia Grai, Gia Lai	0,80	-	Suối Ia Hơ Răng	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
56	Hồ Đội 4	Thủy lợi	Thị trấn Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	0,90		Suối Ia Tchom	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
57	Hồ Đội 6	Thủy lợi	Thị trấn Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	0,99	-	Suối Ia Tchom	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
58	Hồ Ia Hrung	Thủy lợi	Ia Hrung, Ia Grai, Gia Lai	2,09	-	Sông Ia Grăng	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
59	Hồ Đăk Uy	Thủy lợi	Đăk Ngọk, Đăk Hà, Kon Tum	29,660	-	Sông Đắk Uy	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản (4) Tham gia điều tiết dòng chảy
60	Hồ Đăk Rơn Ga	Thủy lợi	Tân Cảnh, Đăk Tô, Kon Tum	6,651	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản (4) Tham gia điều tiết dòng chảy
61	Hồ Đăk Yên	Thủy lợi	Hòa Bình, thành phố Kon Tum, Kon Tum	6,450	-	Suối nhánh sông Đắk Bla	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản (4) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
62	Hồ Đăk Loh	Thủy lợi	Ngọc Wang, Đăk Hà, Kon Tum	4,200	-	Sông Đắk Kle	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
63	Hồ Đăk Kan	Thủy lợi	Sa Loong, Ngọc Hồi, Kon Tum	3,201	-	Sông Đắk Kan	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
64	Hồ C1	Thủy lợi	Hà Mòn, Đăk Hà, Kon Tum	2,240	-	Suối nhánh sông Krông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
65	Hồ Đăk Prông	Thủy lợi	Đăk Ui, Đăk Hà, Kon Tum	2,220	-	Sông Đắk Sai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
66	Hồ Đăk Chà Mòn I	Thủy lợi	Đăk Blà, thành phố Kon Tum, Kon Tum	1,572	-	Suối Đắk Cha Mon	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
67	Hồ Đăk Rơ Wa	Thủy lợi	Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, Kon Tum	0,744	-	Suối Đắk Rơ Wa	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
68	Hồ Đăk Trít	Thủy lợi	Đăk La, Đăk Hà, Kon Tum	1,480	-	Sông Đắk Cấm	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
69	Hồ Đăk Prông	Thủy lợi	Sa Bình, Sa Thầy, Kon Tum	1,235	-	Sông Ia Thir	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
70	Hồ Đăk Nui 3	Thủy lợi	Hơ Moong, Sa Thầy, Kon Tum	0,635	-	Sông Đắk Nui	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
71	Hồ Đội 5	Thủy lợi	Sa Thầy, Sa Thầy, Kon Tum	0,724	-	Sông Sa Thầy	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
72	Hồ Ya Xăng	Thủy lợi	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	0,582	-	Sông Ia Tri	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
73	Hồ Đăk Hnia	Thủy lợi	Đăk Tơ Kan, Tu Mơ Rông, Kon Tum	1,142	-	Sông Đắk Ta Kan	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
74	Hồ Đăk Trang	Thủy lợi	Đăk Rơ Ông, Tu Mơ Rông, Kon Tum	1,210	-	Sông Đắk Ta Kan	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
75	Hồ Đăk Hơ Na	Thủy lợi	Đăk Nông, Ngọc Hồi, Kon Tum	2,050	-	Sông Đắk Hơ Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
76	Hồ Tân Điền	Thủy lợi	Đoàn Kết, thành phố Kon Tum, Kon Tum	0,870	-	Suối nhánh sông Đắk Bla	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
77	Hồ Đăk Sa Men	Thủy lợi	Kroong, thành phố Kon Tum, Kon Tum	1,355	-	Suối nhánh sông Đắk Bla	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
78	Hồ Ia Bang Thượng	Thủy lợi	Hòa Bình, thành phố Kon Tum, Kon Tum	1,879	-	Sông Ia Bang	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
79	Hồ Đăk Loy	Thủy lợi	Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, Kon Tum	1,480	-	Sông Đắk Lay	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
80	Hồ 6A	Thủy lợi	Đăk Mar, Đăk Hà, Kon Tum	1,934	-	Sông Đắk Uy	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
81	Hồ Cà Sâm	Thủy lợi	Đắk La, Đăk Hà, Kon Tum	1,730	-	Sông Đắk La	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
82	Hồ Đăk Xít 1	Thủy lợi	Đăk La, Đăk Hà, Kon Tum	0,544	-	Sông Đắk La	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
83	Hồ Thôn 9	Thủy lợi	Đăk Hring, Đăk Hà, Kon Tum	0,612	-	Sông Đắk Psi	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
84	Hồ Đăk Klong	Thủy lợi	Đăk Long, Đăk Hà, Kon Tum	0,507	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
85	Hồ Đăk Sia I	Thủy lợi	Rờ Kơi, Sa Thầy, Kon Tum	1,102	-	Sông Đắk Sir	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
86	Hồ Hố Chè	Thủy lợi	Diên Bình, Đăk Tô, Kon Tum	0,589	-	Sông Đắk Psi	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
87	Hồ Kon Tu Zốp	Thủy lợi	Pô Kô, Đăk Tô, Kon Tum	0,500	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
88	Hồ Đăk Hơ Niêng	Thủy lợi	Bờ Y, Ngọc Hồi, Kon Tum	0,800	-	Sông Đắk Hơ Niêng	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
89	Hồ Blốc 1	Thủy lợi	Đăk Long, Đăk Glei, Kon Tum	2,410	-	Sông Đắk Hun	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
90	Hồ Blốc 2	Thủy lợi	Đăk Long, Đăk Glei, Kon Tum	2,490	-	Sông Đắk Tu	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
91	Hồ Thượng Kon Tum	Thủy điện	Xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	145,5	220	Sông Đắk Bla	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy (3) Chuyển nước liên lưu vực
92	Hồ Kon Chênh	Thủy lợi	Măng Cành, Kon Plông, Kon Tum	0,29	-	Suối nhánh sông Đắk Bla	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
93	Hồ Nước Rơ	Thủy lợi	Tân Lập, Kon Rẫy, Kon Tum	0,40	-	Sông Đắk Pơ Ne	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
94	Hồ Đăk Sờ Rệt	Thủy lợi	Đắk Ruồng, Kon Rẫy, Kon Tum	0,27	-	Suối Đắk Ne	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
95	Hồ Kon Bo Deh	Thủy lợi	Đắk Ruồng, Kon Rẫy, Kon Tum	0,27	-	Suối Đắk Ne	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
96	Hồ Đăk Prét	Thủy lợi	Ngok Réo, Đăk Hà, Kon Tum	0,25	-	Suối Đắk Te	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
97	Hồ Đăk Xít 3	Thủy lợi	Đắk La, Đăk Hà, Kon Tum	0,32	-	Suối nhánh sông Đắk Bla	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
98	Hồ C3	Thủy lợi	Hà Mòn, Đăk Hà, Kon Tum	0,37	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
99	Hồ C19	Thủy lợi	Diên Bình, Đăk Tô, Kon Tum	0,31	-	Sông Đắk Psi	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
100	Hồ Tea Hao	Thủy lợi	Đắk Trăm, Đăk Tô, Kon Tum	0,25	-	Sông Đắk Ta Kan	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
101	Hồ Măng Tôn	Thủy lợi	Pờ Y, Ngọc Hồi, Kon Tum	0,25	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
102	Hồ Kon Tu	Thủy lợi	Đắk Ui, Đăk Hà, Kon Tum	0,30	-	Sông Đắk Pah	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
103	Hồ Đội 6	Thủy lợi	Hơ Moong, Sa Thầy, Kon Tum	0,40	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
104	Hồ A1 - Đội 4	Thủy lợi	Đăk Mar, Đăk Hà, Kon Tum	0,31	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
105	Hồ C3 (Hồ 704)	Thủy lợi	Đăk Mar, Đăk Hà, Kon Tum	0,35	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
106	Hồ Đăk Ngót	Thủy lợi	Sa Nghĩa, Sa Thầy, Kon Tum	0,25	-	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
107	Hồ Ia Năng	Thủy lợi	Ia KRai, Ia Grai, Gia Lai	0,45	-	Sông Ia Hai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
108	Hồ Làng Cúc	Thủy lợi	Ia Sao, Ia Grai, Gia Lai	0,25	-	Suối Ia Ta Chao	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
109	Hồ Làng Me	Thủy lợi	Thị trấn Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	0,25	-	Suối nhánh sông Ia Tchâm	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
110	Hồ Làng Tốt	Thủy lợi	Ia Sao, Ia Grai, Gia Lai	0,49	-	Suối Ia Ta Chao	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều 6tiết dòng chảy
111	Hồ Ia Jong	Thủy lợi	Ia Sao, Ia Grai, Gia Lai	0,25	-	Suối nhánh sông Ia Grăng	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
112	Hồ C5	Thủy lợi	Ia Kla, Đức Cơ, Gia Lai	0,41	-	Sông Ia Krel	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
113	Hồ C3	Thủy lợi	Ia Tô, Ia Grai, Gia Lai	0,45	-	Suối Ia Tô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
114	Hồ Iarung	Thủy lợi	Ia Tô, Ia Grai, Gia Lai	0,38	-	Suối nhánh sông Ia Grai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
115	Hồ Ia Ran	Thủy lợi	Ia Hrung, Ia Grai, Gia Lai	0,40	-	Suối nhánh sông Ia Grai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
116	Hồ Ia Tôn A	Thủy lợi	Ia Tô, Ia Grai, Gia Lai	0,48	-	Suối nhánh sông Ia Grai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
117	Hồ Ia Tôn B	Thủy lợi	Ia Tô, Ia Grai, Gia Lai	0,40	-	Suối nhánh sông Ia Grai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
118	Hồ Đội 9	Thủy lợi	Ia Hrung, Chư Păh, Gia Lai	0,48	-	Suối nhánh sông Ia Grai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
119	Biển Hồ	Hồ tự nhiên	Biển Hồ, thành phố Pleiku, Gia Lai	12,4	-	Hồ tự nhiên	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
120	Trà Đa	Hồ tự nhiên	Phường Trà Bá, thành phố Pleiku, Gia Lai	0,50	-	Hồ tự nhiên	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
II	**Quy hoạch đến 2030**						
1	Đăk Psi 2	Thủy điện	Ngọc Yêu, Tu Mơ Rông, Kon Tum	-	3,4	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
2	Đăk Pru 3	Thủy điện	Đăk Nhoong, Đăk Glei, Kon Tum	-	5	Sông Đắk Pru	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
3	Thượng Đăk Psi 1	Thủy điện	Xã Ngọc Yêu, huyện Tu Mơ Rông và xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	-	7,2	Sông Đắk Psi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
4	Đăk Na	Thủy điện	Xã Đăk Na, huyện Tu Mơ Rông và xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	-	15,2	Sông Đắk Na	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
5	Đăk Roong	Thủy điện	Xã Đăk Roong, huyện Ngọc Hồi và xã Đăk Ang, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	-	5	Sông Đắk Mái	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
6	Tân Lập	Thủy điện	Đăk Tơ Lung và Tân Lập, Kon Rẫy, Kon Tum	-	5,2	Sông Kon Keng	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
7	Đăk Pek	Thủy điện	Đăk Pek, Đăk Glei, Kon Tum	-	7,5	Sông Đắk Ta	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
8	Đăk Glei	Thủy điện	Đăk Long, Đăk Glei, Kon Tum	-	10,6	Sông Đắk Rơ Long	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
9	Đăk Rve	Thủy điện	Thị trấn Đăk Rve, Kon Rẫy, Kon Tum	-	5	Sông Đắk Pơ Ne	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
10	Sa Thầy 1	Thủy điện	Ia Tơi, Ia H'Drai, Kon Tum	-	9,5	Sông Sa Thầy	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
11	Sa Thầy 2	Thủy điện	Ia Tơi, Ia H'Drai, Kon Tum	-	11,2	Sông Sa Thầy	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
12	Sa Thầy 3	Thủy điện	Ia Tơi, Ia H'Drai, Kon Tum	-	10,5	Sông Sa Thầy	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
13	Đăk Bla 3	Thủy điện	Thành phố Kon Tum, Kon Tum	-	8,6	Sông Đắk Bla	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
14	Đăk Sú 2	Thủy điện	Đăk Xú và Đăk Nông, Ngọc Hồi, Kon Tum	-	7,2	Suối nhánh sông Pô Kô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
15	Đăk Toa	Thủy điện	Đăk Tơ Lung, Kon Rẫy, Kon Tum	-	5	Suối nhánh sông Đắk Bla	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
16	Đăk Pô Nê 4	Thủy điện	Tân Lập, Kon Rẫy, Kon Tum	-	6	Sông Đắk Pơ Ne	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
17	Đăk Nghé 3	Thủy điện	Xã Đăk Kôi, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	-	17	sông Đắk Snghé	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
18	Đak Piu 1	Thủy điện	Đăk Ang, Ngọc Hồi, Kon Tum	-	4,5	Sông Đắk Piu	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
19	Đăk Pô Cô 1	Thủy điện	Đăk Dục và Đăk Ang, Ngọc Hồi, Kon Tum	-	7,5	Sông Krông Pô Kô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
20	Đăk Man	Thủy điện	Đăk Man, Đăk Glei, Kon Tum	-	-	Sông Đắk Man	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
21	Đăk Brot	Thủy điện	Đăk Nhoong, Đăk Glei, Kon Tum	-	-	Sông Đắk Brot	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
22	Đăk Ruồi 1	Thủy điện	Xốp, Đăk Glei, Kon Tum	6,6	-	Sông Đắk DRuồi	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
23	Ia Grăng 1	Thủy điện	Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	0,095	5,6	Suối Ia Grăng	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
24	Ia Tchom 1	Thủy điện	Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	0,958	9	Suối Ia Tchom	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
25	Đak Pô Kei	Thủy điện	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai và huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum	1,139	6	Suối Đắk Pô Kei	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
26	Ia Grai thượng	Thủy điện	Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	-	8	Suối Ia Grai	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
27	Ia Krel 1	Thủy điện	Huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	-	10	suối Ia Krel	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
28	Ia Phí 1	Thủy điện	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	-	3,5	suối Rơ Ai	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
29	Ia Grai 3 mở rộng	Thủy điện	Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	-	7,5	Sông Ia Grai	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
30	Đak Đoa 2	Thủy điện	Huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	-	6	Suối Ia Kom	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
31	Sê San 5	Thủy điện	Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	-	30	Sông Sê San	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m^3)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
32	Thượng Ia Tchom	Thủy điện	Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	-	6	Suối Ia TChom	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
33	Hồ Dui	Thủy lợi	Huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum	1,09	-	Suối Đắk Psi	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
34	Hồ Đắk Long	Thủy lợi	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	0,67	-	Suối Đắk Long	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
35	Hồ C	Thủy lợi	Huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	0,51	-	Suối Đắk Pơ ne	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
36	Hồ Đăk Hmel	Thủy lợi	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	1,5	-	Suối Đắk Hmel	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục VIII

MẠNG GIÁM SÁT TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIÁM SÁT KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC, CHẤT LƯỢNG NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1204.. /QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên điểm giám sát	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Nguồn nước	Nhiệm vụ
1	ĐB1	Đăk Tơ Lung, Kon Rẫy, Kon Tum	Sông Đắk Bla	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Bla trước nhập lưu suối Măng Ke
2	ĐB2	Đăk Ruồng, Kon Rẫy, Kon Tum	Sông Đắk Bla	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Bla trước thượng lưu hồ Đắk Bla1
3	MK	Đăk Tờ Re, Kon Rẫy, Kon Tum	Suối Măng Ke	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Măng Ke trước nhập lưu sông Đắk Bla
4	KK	Đăk Tơ Lung, Kon Rẫy, Kon Tum	Sông Kon Keng	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Kon Keng trước nhập lưu sông Đắk Bla
5	ĐPN	Đăk Pne, Kon Rẫy, Kon Tum	Sông Đắk Pơ Ne	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Pơ Ne trước trước nhập lưu sông Đắk Bla
6	ĐB3	Đăk Blà, thành phố Kon Tum, Kon Tum	Sông Đắk Bla	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Bla trước nhập lưu sông Ia Krom
7	ĐB4	Đăk Năng, thành phố Kon Tum, Kon Tum	Sông Đắk Bla	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Bla trước nhập lưu sông Sê San
8	ĐPK	Hà Tây, Đăk Đoa, Gia Lai	Sông Đắk Po Kei	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Po Kei trước nhập lưu sông Sê San
9	IaK	Hà Tây, Đăk Đoa, Gia Lai	Sông Ia Krom	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Krom trước nhập lưu sông Sê San
10	ĐC1	Vinh Quang, thành phố Kon Tum, Kon Tum	Sông Đắk Cấm	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Cấm tại ranh giới xã Đăk Ngọk và Đắk La

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên điểm giám sát	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Nguồn nước	Nhiệm vụ
11	ĐC2	Phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, Kon Tum	Sông Đăk Cấm	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đăk Cấm trước nhập lưu sông Đăk Lay
12	ĐK1	Đăk La, Đăk Hà, Kon Tum	Sông Đăk Kle	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đăk Kle tại ranh giới xã Ngok Wang và Đăk La
13	ĐK2	Ngok Bay, thành phố Kon Tum, Kon Tum	Sông Đăk Kle	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đăk Kle trước nhập lưu sông Sê San
14	SS1	Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei, Kon Tum	Sông Sê San	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sê San trước nhập lưu sông Đăk Pru
15	SS2	Đăk KRoong, Đăk Glei, Kon Tum	Sông Sê San	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sê San trước nhập lưu sông Đăk La
16	SS3	Đăk Môn, Đăk Glei, Kon Tum	Sông Sê San	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sê San trước sau nhập lưu sông Đăk Rơ Long
17	RL	Đăk Môn, Đăk Glei, Kon Tum	Sông Đăk Rơ Long	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đăk Rơ Long trước nhập lưu sông Sê San
18	ĐPr	Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei, Kon Tum	Sông Đăk Pru	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đăk Pru trước nhập lưu sông Sê San
19	ĐNa	Đăk Ang, Đăk Glei, Kon Tum	Sông Đăk Na	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đăk Na trước nhập lưu sông Sê San
20	SS4	Pô Kô, Đăk Tô, Kon Tum	Sông Sê San	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sê San trước nhập lưu sông Đăk Ta Kan
21	SS5	Sa Nghĩa, Sa Thầy, Kon Tum	Sông Sê San	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sê San trước thượng lưu hồ Plêi Krông

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên điểm giám sát	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Nguồn nước	Nhiệm vụ
22	ĐU1	Thị trấn Đăk Hà, Đăk Hà, Kon Tum	Sông Đắk Uy	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Uy tại ranh giới xã Đắk Hà, Hà Mòn
23	ĐU2	Hà Mòn, Đăk Hà, Kon Tum	Sông Đắk Uy	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Uy trước nhập lưu sông Sê San
24	ĐTK1	Kon Đào, Đăk Tô, Kon Tum	Sông Đắk Ta Kan	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Ta Kan trước nhập lưu sông Đắk Rơ nu
25	ĐTK2	Thị trấn Đăk Tô, Đăk Tô, Kon Tum	Sông Đắk Ta Kan	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Ta Kan trước nhập lưu sông Sê San
26	ĐPs1	Đăk Long, Đăk Glei, Kon Tum	Sông Đắk Psi	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Psi trước nhập lưu sông Đắk Hring
27	ĐPs2	Diên Bình, Đăk Tô, Kon Tum	Sông Đắk Psi	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Psi trước nhập lưu sông Sê San
28	SS6	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	Sông Sê San	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sê San trước nhập lưu sông Ia Nhinh
29	SS7	Ia O, Chư Prông, Gia Lai	Sông Sê San	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sê San sau thủy điện Sê San 4A
30	IKr	Ia Dom, Đức Cơ, Gia Lai	Sông Ia Krel	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Krel tại biên giới Việt Nam - Campuchia
31	IaN	Ia Mơ Nông, Chư Păh, Gia Lai	Sông Ia Nhinh	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Nhinh trước nhập lưu sông Sê San
32	ĐSi	Sa Bình, Sa Thầy, Kon Tum	Sông Đắk Sir	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Sir trước nhập lưu sông Sê San

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

TT	Tên điểm giám sát	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Nguồn nước	Nhiệm vụ
33	IG	Ia Grăng, Ia Grai, Gia Lai	Sông Ia Grai	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Grai trước nhập lưu sông Sê San
34	IR	Thị trấn Ia Ly, Chư Păh, Gia Lai	Sông Ia Roey	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Roey trước nhập lưu sông Sê San
35	ST1	Rơ Kơi, Sa Thầy, Kon Tum	Sông Sa Thầy	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sa Thầy trước nhập lưu sông Đắk Rờ Kay
36	ST2	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	Sông Sa Thầy	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sa Thầy trước nhập lưu sông Ia Tri
37	ST3	Ia Dal, Ia H' Drai, Kon Tum	Sông Sa Thầy	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Sa Thầy trước nhập nhập lưu sông Sê San
38	IaT1	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	Sông Ia Tri	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Tri tại tanh giới xã Ia Drom và Mô Rai
39	IaT2	Ia Dal, Ia H' Drai, Kon Tum	Sông Ia Tri	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Tri trước nhập lưu sông Sa Thầy

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật